

KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP THCS

ĐỀ CHÍNH THỨC

MÃ PHÁCH

Môn Thi: Tiếng Anh

Thời gian: 150 phút (Tính cả phần nghe hiểu)
(Yêu cầu thí sinh làm trực tiếp vào đề thi)

Đề thi gồm có 6 trang

<u>Điểm bằng chữ:</u>	<u>Giám khảo 1:</u>
<u>Điểm bằng số:</u>	<u>Giám khảo 2:</u>

PHẦN 1: ĐỌC, VIẾT VÀ KIẾN THỨC NGÔN NGỮ

I. Trong mỗi câu dưới đây có ba từ nhấn âm tiết đầu và một từ nhấn âm tiết thứ hai. Em hãy tìm từ có nhấn âm tiết thứ hai. (2 điểm)

- 1) a. building b. accessible c. definite d. entertain
- 2) a. sewage b. expensive c. increase d. human
- 3) a. plastic b. permanent c. relative d. electricity
- 4) a. mention b. inform c. uncle d. moment
- 5) a. region b. area c. traffic d. facility
- 6) a. prefer b. plentiful c. rural d. struggle
- 7) a. garbage b. migrant c. traditional d. terrible
- 8) a. preserve b. hometown c. offer d. picture

Your answer:

1	2	3	4	5	6	7	8

II. Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống với những câu sau. (2 điểm)

1) Don't touch that dog. It bite you.

- A. will B. was going to C. is going to D. be going to

- 2) kind of books do you like?
 A. Which B. What C. Whose D. Whom
- 3) The manmobiike was ringing did not know what to do.
 A. that B. who C. whose D. which
- 4) I was driving along East Street when I a fire.
 A. saw B. see C. had seen D. was seeing
- 5) Do you enjoy to classical music?
 A. listen B. to listen C. listened D. listening
- 6) My father is very interested gardening.
 A. on B. in C. for D. at
- 7) English is learned by millions of students its importance.
 A. because of B. because C. despite D. although
- 8) Would you like to stay at home go out?
 A. or B. but playing C. and D. if

Your answer:

1	2	3	4	5	6	7	8

III. Hãy ghép mỗi cụm động từ thành ngữ ở cột A, với một định nghĩa đúng ở cột B. Mỗi mỗi cụm động từ thành ngữ chỉ ghép với một định nghĩa. (2 điểm)

A	B
1. break in	A. return to original location
2. bring back	B. return
3. call up	C. destroy by an explosion
4. fill up	D. make something new fit for use
5. put back	E. telephone
6. turn in	F. stop a habit (e.g. smoking)
7. give up	G. make full
8. blow up	H. find a station on the radio

Your answer:

1	2	3	4	5	6	7	8

IV. Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống (2 điểm)

If you plan a visit in October, don't miss the Harvest Festival. The festival offers a variety of (1) _____ for all age groups and interests. Children may enjoy (2) _____ to traditional stories and learning folk dances. Adults (3) _____ enjoy the antique show and the crafts fair. Other attractions (4) _____ a celebration of musical heritage and demonstrations of traditional skills (5) _____ candle making, butter churning and bee keeping. The festival (6) _____ at the County Fairgrounds. Space is available for you to (7) _____ your car at the festival at no extra charge. The admission fee is donated (8) _____ the Preserve Our History Fund.

- 1) a. actions b. acts c. activities d. actors
- 2) a. hear b. hearing c. listen d. listening
- 3) a. will b. must c. would d. used to
- 4) a. contain b. consist c. include d. have
- 5) a. examine b. as well as c. as long as d. such as
- 6) a. held b. holds c. is holding d. hold
- 7) a. put b. lay c. park d. stand
- 8) a. for b. to c. on d. with

Your answer:

1	2	3	4	5	6	7	8

V. Hoàn thành đúng các động từ ở trong ngoặc. (2,5 điểm)

Dear Linda!

I'm sorry that I haven't written to you for so long, but I **1 (be)** _____ very busy lately. All last month I **2 (have)** _____ exams, and I haven't done anything else but

study for ages. Anyway, I **3 (stop)** _____ studying now , and I **4 (wait)** _____ for my exams results.

As you can see from the letter, I **5 (change)** _____ my address and live in Croydon now. I **6 (decide)** _____ that I wanted a change from central London because it **7 (become)** _____ so expensive. A friend of mine told me about this flat, and I **8 (move)** _____ here about two months ago. When you come to London this summer, please visit me. I **9 (stay)** _____ here until the middle of August. Then I **10 (go)** _____ on holiday to Scotland.

Your answer:

- 1) _____ 2) _____ 3) _____
4) _____ 5) _____ 6) _____
7) _____ 8) _____ 9) _____
10) _____

VI. Đọc kỹ đoạn văn sau và điền vào chỗ trống với MỘT từ thích hợp (2,5 điểm)

THE BIG TIP

Yesterday was a very **(1)** _____ day for a Japanese businessman. The businessman, Mr Hiro Nomura, was **(2)** _____ Viet Nam for the first time. He was in Ho Chi Minh City to **(3)** _____ some business clients. He left an envelope containing US\$ 10,000 in a **(4)** _____ where he had lunch. Less than two hours later, the money was returned to him.

Mr Nomura did not realize he had lost the money until he **(5)** _____ to his hotel. He told the hotel receptionist **(6)** _____ had happened, but the receptionist couldn't help him. Later that evening, Mr Nomura received a **(7)** _____ call at his hotel. The caller, Ms Nguyen Hong, said that she found the envelope on the **(8)** _____ of her restaurant while she was sweeping up. Inside the envelope, she found Mr Nomura's business card and a brochure for his **(9)** _____, the White Swan.

Mr Nomura was very pleased that an honest person had found the money. He **(10)** _____ to give Ms Hong a reward of US\$100, but she said that she didn't want it.

Your answer:

- 1) _____ 2) _____ 3) _____
4) _____ 5) _____ 6) _____
7) _____ 8) _____ 9) _____
10) _____

VII. Dùng hình thức đúng với những từ trong ngoặc điền vào chỗ trống để hoàn thành các câu sau: (2 điểm)

- 1) My teacher always _____ me to take this examination. (**courage**)
2) Recently health foods have increased in _____. (**popular**).
3) I had to check the wages in _____ to my normal work. (**add**)
4) They said “good-bye” to each other just because of some minor _____. (**understand**)
5) The Saigon Giai Phong is a _____ newspaper. (**day**)
6) He is an _____ doctor who just graduated from the medical school last year.
(**experience**)
7) Their _____ is always good. (**communicate**)
8) The _____ of TV is always fast (**develop**)

Your answer:

- 1) _____ 2) _____ 3) _____
4) _____ 5) _____ 6) _____
7) _____ 8) _____

VIII. Em hãy viết lại câu thứ hai, nhưng nghĩa không thay đổi so với câu thứ nhất (2 điểm)

- 1) I last received the letter from him two months ago.
I haven't _____
2) They grow rice in many parts of Asia.
Rice _____
3) It's a pity that your friend Marie isn't at this party.
I wish _____

4) My son enjoys listening to music.

My son is fond _____

5) It isn't necessary for you to work until 6 pm.

You don't _____

6) I have never visited this museum before.

This is _____

7) She told her son "Don't speak with your mouth full".

She told her son _____

8) "Where do you come from?" She asked me.

She asked me _____

PHẦN 2: NGHE HIỂU LISTENING COMPREHENSION TEST

PART I. Look at the instructions of the PART I. You will hear the conversation twice. (1,6 điểm)

INSTRUCTIONS: Listen to the story and read the story below. There are eight mistakes in the story. Cross out the mistakes. The first one has been done for you.

(Có 8 từ sai, gạch bỏ các từ đó. Từ đầu tiên được làm mẫu cho bạn.)

A woman had ~~two~~ memory problem, she went to a teacher.

"Singer," the woman said. "I have a back problem. I park my motorcycle somewhere, and I can't search it. I put my glasses somewhere, and I can't find them. I put my cat somewhere, and I can't find him."

"Hmmm," the doctor said. "This is serious. Write me more about your problem."

"Problem?" the woman said. "What matter?"

PART II. Look at the instructions of Part II. You will hear the conversation twice. (1,4 điểm)

Listen to the story. As you listen, complete the sentences. Choose the correct

answer.

An expensive holiday

Eddie: Hello, Ellen! Hello, Ben! Hello, Jenny!

Ben: Hello, Eddie. Have a (1) _____ .

Eddie: Thanks, Ben

Ellen: Help yourself to whisky.

Jenny: It's on the (2) _____.

Ben: How did you spend your (3) _____, Eddie?

Eddie: I went to America with a (4) _____.

Everybody: Well!

Ellen: We're all jealous.

Ben: Was it (5) _____ ?

Eddie: Yes. (6) _____ . I've spent everything.

Jenny: Haven't you any (7) _____ left?

Eddie: Yes, Jenny. Ten pence!

ĐÁP ÁN ĐỀ NGHỊ KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP THCS Môn Tiếng Anh

PHẦN 1: ĐỌC, VIẾT VÀ KIẾN THỨC NGÔN NGỮ (17 điểm)

I. Mỗi câu chọn đúng 0,25 điểm. (2 điểm)

1	2	3	4	5	6	7	8
b	b	d	b	d	a	c	a

II. Mỗi câu chọn đúng 0,25 điểm. (2 điểm)

1	2	3	4	5	6	7	8
a	b	c	a	d	b	a	a

III. Mỗi câu chọn đúng 0,25 điểm. (2 điểm)

1	2	3	4	5	6	7	8
d	b	e	g	a	h	f	c

IV. Mỗi câu chọn đúng 0,25 điểm. (2 điểm)

1	2	3	4	5	6	7	8
c	d	a	c	d	a	c	b

V. Viết đúng mỗi động từ 0,25 điểm. (2,5 điểm)

1. have been
2. had
3. have stopped
4. am waiting
5. have changed
6. decided
7. has become/ is becoming
8. moved
9. will be staying/ am staying/ am going to stay
10. will be going/ am going

VI. Mỗi chỗ trống viết đúng từ 0,25 điểm. (2,5 điểm)

- | | |
|---------------|--------------|
| 1. lucky | 6. what |
| 2. visiting | 7. telephone |
| 3. meet | 8. floor |
| 4. restaurant | 9. hotel |
| 5. returned | 10. offered |

VII. Mỗi từ viết đúng hình thức 0,25 điểm. (2 điểm)

- | | |
|---------------------|------------------|
| 1) encourages | 5) daily |
| 2) popularity | 6) inexperienced |
| 3) addition | 7) development |
| 4) misunderstanding | 8) communication |

VIII. Mỗi câu viết lại đúng 0,25 điểm. (2 điểm)

1. I haven't received a letter from him for two months
2. Rice is grown in many parts of Asia.

3. I wish your friend Marie were at the party
4. My son is fond of listening to music.
5. You don't have to work until 6 pm.
6. This is the first time I visited this museum.
7. She told her son not to speak with his mouth full.
8. She asked me where I came from.

PHẦN 2: NGHE HIỂU (3điểm)

I. Mỗi chỗ nghe chọn gạch đúng từ sai 0,2 điểm (1,6 điểm)

A woman had ~~two~~ memory problem, she went to a **teacher**.

“**Singer**,” the woman said. “I have a **back** problem. I park my **motorcycle** somewhere, and I can't **search** it. I put my glasses somewhere, and I can't find them. I put my **cat** somewhere, and I can't find him.”

“Hmmm,” the doctor said. “This is serious. **Write** me more about your problem.”

“Problem?” the woman said. “What **matter**?”

- | | | | |
|------------|-----------|----------|---------------|
| 1. teacher | 2. singer | 3. back | 4. motorcycle |
| 5. search | 6. cat | 7. write | 8. matter |

II. Mỗi chỗ nghe viết đúng 0,2 điểm (1,4 điểm)

- | | |
|--------------|--------------|
| 1. cigarette | 5. expensive |
| 2. shelf | 6. Very |
| 3. holiday | 7. money |
| 4. friend | |
-